TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 3 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư.

Bà Bùi Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên tòa: Ông Tô Việt Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Quang P, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh P trình bày: Anh P và chị H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 19/3/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp và anh P nghi nghờ chị H có

quan hệ với người khác. Mâu thuẫn trở lên căng thẳng nên sau đó anh P đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay anh P xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ do vậy anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Quang H, sinh ngày 20/7/2010. Do con chung đang ở với chị H nên anh đề nghị giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thoả thuận, anh P không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2024, cháu cháu Bùi Quang Hưng trình bày có nguyện được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng đồng thời ra thông báo yêu cầu chị H có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh P nhưng chị H không thực hiện.

Tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả cho thấy: Anh P và chị H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn, huyện An Dương. Quá trình chung sống địa phương không nắm được việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Nay anh P có yêu cầu ly hôn với chị H, địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh P và chị H có 01 con chung là Bùi Quang H, sinh ngày 20/7/2010.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh P được ly hôn với chị H.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Bùi Quang H, sinh ngày 20/7/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh P không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh P có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với chị H có nơi cư trú tại thôn Quỳnh Hoàng, xã Nam Sơn huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh P và chị H tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét, anh P và chị H quá trình chung sống không hợp nhau, anh P lại nghi nghờ chị H có quan hệ với người khác. Hiện tại hai người đã sống ly thân không còn quan tâm lẫn nhau cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh P được ly hôn với chị H.

[4] Về con chung: Anh P và chị H có 01 con chung là Bùi Quang H, sinh ngày 20/7/2010, anh P đề nghị giao cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, chị H là người có việc làm, thu nhập và đang trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Mặt khác con chung có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy con, đảm bảo được quyền lợi, nguyện vọng của con cũng như quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Bùi Quang H, sinh ngày 20/7/2010 cho chị H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, anh P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quang P được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Quang H, sinh ngày 20/7/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con anh P không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Bùi Quang P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này anh P đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005231 ngày 26 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện An Dương;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chỉnh